

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2021/HSPT
Ngày: 24-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần

Ông Văn Công Dân

- T1 ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - T1 ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 98/2021/TLPT-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo Trịnh Q và các bị cáo khác về tội “*Cố ý gây thương tích*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HSST ngày 02/02/2021, của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Q**; sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn T, xã Q1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quang C1, sinh năm 1971 và bà Lương Thị H, sinh năm 1975; bị cáo có vợ là Phạm Thị A, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**; sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Xã C2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trịnh Quang T5**; sinh năm 2000, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn T2, xã Q1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Trịnh Quang L1, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Thu T3, sinh năm 1981; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Lương Văn T4, sinh năm 1997; trú tại: Xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lương Văn C3, sinh năm 1994; trú tại: Xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 01/9/2020 Lương Văn T4, Phan Thanh Bình đến nhà trọ thị trấn Q2, huyện C chơi thì gặp Nguyễn Văn H1 và xảy ra cãi nhau, H1 bị T4 đánh 01 cái vào đầu rồi bỏ đi. Sau đó, H1 nói lại với bạn là Trịnh Quang T5 và Trịnh Q về việc H1 bị người khác đánh. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, trên đường đi làm về, H1, T5 nhìn thấy T4, Bình, Hậu đang ăn nhậu tại quán vịt quay địa chỉ thị trấn Q2, huyện C nên H1 nói T5 về nhà của Q tại thị trấn Q2, huyện C rủ Q đánh lại nhóm của T4. Q đồng ý đi rồi nói H1, T5 lấy hung khí ở phía sau hông nhà Q. Sau đó, T5 điều khiển xe mô tô mang theo 01 con dao dài khoảng 60cm, cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại, chở Q mang theo 01 con dao dài khoảng 120cm, cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại, H1 điều khiển xe mô tô mang theo 01 con dao dài khoảng 60cm, cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại, đi đến quán vịt quay do anh Lương Văn C3 làm chủ. Đến nơi, Q, H1, T5 dựng xe cách quán vịt quay khoảng 20m rồi cầm dao đi bộ vào quán. Khi vào trong, Q hỏi ai đánh H1, H1 chỉ về phía T4 nên Q đi lại gần chỗ T4. Thấy vậy, T4 dùng tay trái cầm giữ cán dao của Q, Q giật dao ra rồi chém nhiều nhát về phía T4, T4 cầm ghế và 01 con dao dài khoảng 20cm để chống đỡ lại thì bị thương ở tay và lưng. T5 cầm dao chém về phía T4 thì C3 xông vào ôm T5 và bị chém trúng vào khoe miệng bên trái, cẳng tay trái, H1 cầm dao chém về phía nhóm của T4 nhưng không trúng ai. Trong lúc đánh nhau, Bình chạy ra sau bếp lấy 01 con dao dài khoảng 20cm ném về phía nhóm của Q và trúng vào chân của T5 nhưng không gây thương tích gì. Sau khi gây thương tích cho nhóm của T4, Q, H1, T5 bỏ đi về, còn T4 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, C3 được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện C.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1020 ngày 28/9/2020, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Lương Văn T4 bị tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 17%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HSST ngày 02/02/2021, của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Q, Trịnh Quang T5 và Nguyễn Văn H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trịnh Q 02** (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1 02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trịnh Quang T5 01** (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/02/2021, các bị cáo kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo thấy; Do có mâu thuẫn từ trước nên các bị cáo đã gây thương tích cho bị hại. Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” đối với các bị cáo Q và T5 là không đúng. Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo và đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho bị hại và được bị hại viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 17 giờ ngày 01/9/2020, tại thị trấn Q2, huyện C. Do có mâu thuẫn từ trước nên các bị cáo Trịnh Q, Nguyễn Văn H1, Trịnh Quang T5 đã dùng dao chém anh Lương Văn T4 gây thương tích với tỷ lệ 17%. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2] Tại cấp phúc thẩm bị hại Lương Văn T4 đã có đơn trình bày và xác định nguyên nhân dẫn đến sự việc là do anh T4 đến nhà bị cáo Q đánh bị cáo H1, có thách thức cũng như cầm dao dọa chém bị cáo Q trước. Do vậy, lời trình bày của bị hại T4 và bị cáo Q là phù hợp với các tình tiết của vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo Q tại Cơ quan điều tra. Nên có căn cứ cho rằng, giữa bị cáo Q, T5 và H1 đều có mâu thuẫn từ trước với bị hại T4. Các bị cáo dùng dao chém bị hại T4 là cũng có một phần lỗi của người bị hại đã dùng dao chém bị cáo trước. Việc bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “*có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Q, Trịnh Quang T5 là không đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm để không áp dụng tình tiết định khung “*có tính chất côn đồ*” đối với hai bị cáo Trịnh Q, Trịnh Quang T5 là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo gây thương tích cho anh T4 17% nên mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Q; 02 năm tù đối với bị cáo H1; 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo T5 mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là thỏa đáng. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét, đánh giá tính chất, vai trò của từng bị cáo nên không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo thấy; nguyên nhân dẫn đến các bị cáo gây thương tích cho bị hại là có một phần lỗi của người bị hại đã dùng dao chém bị cáo trước. Vì vậy, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” đối với các bị cáo Q và T5 là không đúng. Và cần áp dụng thêm tình tiết người bị hại cũng có một phần lỗi quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo và đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho bị hại và được bị hại viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát, giáo dục của chính

quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 - Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trịnh Q**, **Nguyễn Văn H1**, **Trịnh Quang T5** - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HSST ngày 02/02/2021, của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trịnh Q** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** 02 (Hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.2] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trịnh Quang T5** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Giao các bị cáo **Trịnh Q**, **Trịnh Quang T5** cho Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo **Nguyễn Văn H1** cho Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trịnh Q, Nguyễn Văn H1, Trịnh Quang T5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Cư M'gar;
- VKSND H. Cư M'gar;
- Công an H. Cư M'gar;
- Chi cục THADS H. C;
- UBND xã C2, huyện C;
- UBND xã Q1, huyện C
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Đình Triết